| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Bà Mai Huệ Anh Đài.

***- Thư ký phiên tòa****:* Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2025/QĐST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (*S*).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tấn M – Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Ninh Thuận (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 1953/2024/QĐ-QTNNL, ngày 17/5/2024).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hoàng D – Chức vụ: Chuyên viên Kiểm soát rủi ro – Phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ.

Địa chỉ: Số 757 đường T, phường P, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 149/2025/GUQ ngày 29/8/2025) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Tất T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (cũ là số nhà 973 đường 21/8, khu phố X, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận) (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/4/2023, ông Đỗ Tất T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, lãi suất 2.77%/tháng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 56.500.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ông T phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.107.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 43.490.131 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 16/9/2025, ông T còn nợ số tiền gốc là 43.490.131 đồng, số tiền lãi là: 44.328.339 đồng, tổng cộng là 87.818.470 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông T yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn tuy nhiên đến nay ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện ông T ra Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Nguyễn Hoàng D đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 16/9/2025 là 87.818.470 và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết dư nợ.

*Bị đơn ông Đỗ Tất T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 16/9/2025 là 87.818.470 và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 05/4/2023, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Điểm b khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T nhưng ông T không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1]. Ngày 05/4/2023, ông T có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng.

[2.1.2]. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ông T đã được Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng và nhận đủ số tiền hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì từ ngày kích hoạt thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 56.500.000 đồng và đến khi ngưng thanh toán đã trả Ngân hàng số tiền 21.107.000 đồng. Sau đó ông T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2.77%/tháng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của bản Điều khoản). Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản của Ngân hàng. Ông T đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trong các lần thực hiện giao dịch rút tiền mà không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 10/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 43.490.131 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản, phù hợp với quy định tại Điều 418 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về các loại phí liên quan đến thẻ: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 2 của bản Điều khoản. Ông T phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của bản Điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.4]. Từ các phân tích trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2025) là

87.818.470 đồng phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 17/9/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông T đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Điểm b khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

- Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

1. Buộc ông Đỗ Tất T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 16/9/2025 là: 87.818.470 đồng (tám mươi bảy triệu tám trăm mười tám

nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) trong đó: Số tiền gốc là: 43.490.131 đồng, số tiền lãi là: 44.328.339 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2025), ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) ngày 05/4/2023 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

Ông Đỗ Tất T phải chịu 4.390.924 đồng (bốn triệu ba trăm chín mươi nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.669.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003267 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diệu**